TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Ông **Đào Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đào Minh Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Bà **Đinh Thị Bích Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hoài T**, sinh năm: 1997
Địa chỉ: Khóm H, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau;
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc Minh K**, sinh năm: 1996
Địa chỉ: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 11/01/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi có quen biết và hôn nhân hoàn toàn tự nguyện với anh Nguyễn Ngọc Minh K, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017, quyển số 01/2017, ngày đăng ký 24/3/2017. Tuy nhiên, do thời gian quen biết nhau quá nhanh, tuổi còn trẻ, chưa tìm hiểu kỹ, suy nghĩ thiếu chín chắn nên khi về chung sống, giữa hai chúng tôi có nhiều sự bất đồng trong tính cách và sinh hoạt. Hiện nay, chúng tôi đã tự sống ly thân, tôi đang đi làm việc ở tỉnh Vĩnh Phúc. Nay thấy điều kiện đoàn tụ không có, mục đích

hôn nhân không đạt được, nên tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Minh K.

Về con chung: Chúng tôi có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh K1, sinh ngày: 22/3/2016 và Nguyễn Ngọc Minh K2, sinh năm: 28/5/2018. Hiện nay, các cháu đang sống ổn định với cha là anh Minh K, nên tôi đồng ý giao các con chung cho anh M Khang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai đề ngày 27/3/2024, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Minh K trình bày:*

Tôi thống nhất về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn do cô T trình bày. Cuộc sống hôn nhân của chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Thực tế tôi và cô T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, cô T đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Vĩnh Phúc nên không có khả năng đoàn tụ.

Chúng tôi có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh K1, sinh ngày: 22/3/2016 và Nguyễn Ngọc Minh K2, sinh năm: 28/5/2018. Các con chung đang sinh sống ổn định với tôi, nên tôi đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T và bị đơn ông Nguyễn Ngọc Minh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Hoài T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc Minh K; Về con chung: Giao 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh K1, sinh ngày: 22/3/2016 và Nguyễn Ngọc Minh K2, sinh năm: 28/5/2018 cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của bà T do ông K không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T và bị đơn ông Nguyễn Ngọc Minh K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và gia đình*: Bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Ngọc Minh K tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017, quyển số 01/2017, ngày đăng ký 24/3/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K không hạnh phúc do cả hai không có thời gian tìm hiểu kỹ nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, làm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hơn nữa, cả hai đã tự sống ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau; Bà T bỏ đi và hiện đang sinh sống, làm việc tại tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án, ông K cũng xác định mâu thuẫn của vợ chồng ông không thể hàn gắn được và thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà T; Điều này cho thấy khả năng đoàn tụ là không có. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của bà T và ông K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất khai có 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh K1, sinh ngày: 22/3/2016 và Nguyễn Ngọc Minh K2, sinh năm: 28/5/2018. Bà T xác nhận các con chung đang sinh sống ổn định với cha (Ông Nguyễn Ngọc Minh K), nên đồng ý giao các con chung cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau khi ly hôn. Và ông K cũng thống nhất về việc tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 *(Hai)* con chung cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn, là có cơ sở.

[4] *Về cấp dưỡng:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Hoài T, do ông Nguyễn Ngọc Minh K không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác, khi có đơn khởi kiện.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Hoài T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002031 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Nguyễn Hoài T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Hoài T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc Minh K.

2. *Về con chung*: Giao 02 *(Hai)* con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh K1, sinh ngày: 22/3/2016 và Nguyễn Ngọc Minh K2, sinh năm: 28/5/2018 cho ông Nguyễn Ngọc M1 Khang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau ly hôn.

Bà Nguyễn Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. *Về cấp dưỡng:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Hoài T, do ông Nguyễn Ngọc Minh K không yêu cầu.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

5. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Hoài T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002031 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Nguyễn Hoài T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa (GCNKH số 15/2017, ngày đăng ký 24/3/2017);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh